

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2018/DS-ST

Ngày: 24-9-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Công Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Đường P, phường 3, quận P1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T2, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T1, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch P3 (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực N, phường Đ1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phan Đức L1, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực N, phường Đ1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng TMCP Đ) trình bày:

Bà Bùi Thị L và ông Phan Đức L1 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bình Định – Phòng Giao dịch P3, chi tiết như sau:

Số tiền vay là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2017).

Lãi suất: 11%/năm.

Tài sản bảo đảm: Tín chấp

Phương thức: Mỗi tháng trả 2.000.000đ, trả liên tiếp trong 11 tháng đầu và tháng cuối trả 200.000đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chỉ trả tổng cộng 10.000.000đ (Trong đó gốc: 8.563.744đ; lãi trong hạn: 1.410.256đ; lãi quá hạn: 26.000đ).

Tính đến ngày 30/8/2018, bà L còn nợ tổng cộng 15.530.981đ (Mười lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm tám mươi một đồng). Trong đó gốc 11.436.256đ; lãi trong hạn: 789.744đ; lãi quá hạn: 3.304.981đ.

Tính đến ngày mở phiên tòa (24/9/2018), bà L và ông L1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng 15.662.022đ (Trong đó nợ gốc: 11.436.256đ; lãi trong hạn: 789.744đ; lãi quá hạn: 3.436.022).

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ một lần tổng số tiền nợ 15.662.022đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Theo Biên bản ghi lời khai các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà thống nhất về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay và tổng số tiền 15.530.981đ (Mười lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm tám mươi một đồng) mà vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 30/8/2018. Bà không thống nhất phương thức trả nợ. Bà chỉ có thể trả mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018. Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019 mỗi tháng trả 3.000.000đ và tháng 4/2019 trả toàn bộ số nợ còn lại.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức L1 vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Dựa trên sự thống nhất của các đương sự, tính đến ngày mở phiên tòa (24/9/2018), bà L và ông L1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng 15.662.022đ. Trong đó nợ gốc: 11.436.256đ; lãi trong hạn: 789.744đ; lãi quá hạn: 3.436.022đ. Về phương thức trả nợ: do các bên không thống nhất phương thức trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L, ông L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ một lần theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ. Về án phí: buộc bà L, ông L1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 ở khu vực N, phường Đ1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L1.

[2] Về nội dung

[2.1] Quan hệ pháp luật

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án xét thấy: Bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ để bán đồ ăn sáng, không có tính chất thương mại. Ngoài ra, bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 cũng không có giấy phép kinh doanh. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã A xác định đây là vụ án dân sự và thay đổi quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thành “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2.2] Hiệu lực của hợp đồng vay tài sản

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản và phải trả lãi theo thỏa thuận có trong hợp đồng. Ngân hàng TMCP Đ và bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia vào hợp đồng vay tài sản và phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về số tiền nợ

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà L, ông L1 chỉ trả tổng cộng 10.000.000đ (Trong đó nợ gốc: 8.563.744đ; lãi trong hạn: 1.410.256đ; lãi quá hạn: 26.000đ). Do bà L, ông L1 trả không đầy đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi nên theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bà L, ông L1 còn phải chịu tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

Tính đến ngày mở phiên tòa (24/9/2018), bà L và ông L1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng 15.662.022đ (trong đó nợ gốc: 11.436.256đ; lãi trong hạn: 789.744đ; lãi quá hạn: 3.436.022đ).

[2.3] Về phương thức trả nợ

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ một lần số tiền 15.662.022đ và tiền lãi suất phát sinh cho đến khi bà L, ông L1 trả hết nợ. Bà L yêu cầu trả mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018; Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019 mỗi tháng trả 3.000.000đ và tháng 4/2019 trả toàn bộ số nợ còn lại. Do các bên không thống nhất về phương thức trả nợ nên buộc bà L, ông L1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng 15.662.022đ một lần và bác yêu cầu xin trả dần của bà L vì không được Ngân hàng TMCP Đ chấp nhận.

[2.4] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà L, ông L1 phải chịu 5% trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 24/9/2018. Cụ thể: $15.662.022 \times 5\% \approx 783.000\text{đ}$.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Xác định bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ 15.662.022đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 11.436.256đ; lãi trong hạn: 789.744đ; lãi quá hạn: 3.436.022đ.

3. Buộc bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ một lần số tiền 15.662.022đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

Bác yêu cầu của bà Bùi Thị L về việc xin trả mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018; Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019 mỗi tháng trả 3.000.000đ và tháng 4/2019 trả toàn bộ số nợ còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Buộc bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 phải chịu 783.000đ (Bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008721 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Bùi Thị L, ông Phan Đức L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đảm